

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **77/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 07 - 12 - 2022.

“V/v tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Thị Gấm**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Hà Minh Hằng**

2. Bà **Trần Thị Mộng Lành**

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 243/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Thôn T, xã T S, huyện N C, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* Anh Võ Út K, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Ấp , xã Đ T, huyện A B, tỉnh Kiên Giang.

(Chị V và anh K vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án chị Nguyễn Thị V trình bày như sau:

Chị V và anh K chung sống với nhau vào năm 2007, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, anh chị có thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang vào ngày 26/6/2007.

Vợ chồng chung sống đến năm 2015 thì mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hay cự cãi, không hợp nhau, dẫn đến đời sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng đã hàn gắn nhưng không được, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng ly thân năm 2015 cho đến nay.

Về quan hệ hôn nhân: Chị V yêu cầu ly hôn với anh K.

Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Thành Đ, sinh ngày 21/6/2009 và Võ Như Y, sinh ngày 12/6/2010, chị V yêu cầu nuôi dưỡng cháu Như Y và đồng ý giao cháu Đ cho anh K nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ và người khác nợ vợ chồng: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Bị đơn anh Võ Út K có ý kiến: Anh K trình bày rằng anh và chị V chung sống với nhau từ năm 2007, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, vợ chồng chung sống đến năm 2015 thì mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hay cự cãi, không hợp nhau, dẫn đến đời sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng đã hàn gắn nhưng không được, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng ly thân năm 2015 cho đến nay.

Về quan hệ hôn nhân: Đồng ý ly hôn với Nguyễn Thị V.

Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Thành Đ, sinh ngày 21/6/2009 và Võ Như Y, sinh ngày 12/6/2010, anh K yêu cầu nuôi dưỡng cháu Đ và đồng ý giao cháu Như Y cho chị V nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và không có ai nợ lại vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo kết quả xác minh từ chính quyền địa phương cho biết: Về quan hệ hôn nhân chị V và anh K có mâu thuẫn là đời sống chung vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất hòa, vợ chồng đã sống ly thân với nhau một thời gian dài. Vợ chồng có Võ Thành Đ, sinh ngày 21/6/2009 và Võ Như Y, sinh ngày 12/6/2010, hiện nay chị V đang nuôi dưỡng cháu Như Y và anh K đang nuôi dưỡng cháu Đ.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị V và anh K đều vắng mặt nên không ghi nhận ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định, tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị V được ly hôn với anh K; Về con chung: Giao cháu Võ Thành Đ, sinh ngày 21/6/2009 (Theo nguyện vọng cháu Đ) cho anh K nuôi dưỡng và giao cháu Võ Như Y, sinh ngày 12/6/2010 (Theo nguyện vọng cháu Ý) cho chị V nuôi dưỡng; không ai cấp dưỡng nuôi con do không có yêu cầu. Về tài sản chung, nợ và người khác nợ vợ chồng: Không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Do nguyên đơn và bị đơn đều có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 4 Điều 207 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án: Chị V yêu cầu được ly hôn với anh K và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung nên quan hệ pháp luật của vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”.

Chị V kết hôn với anh K trên cơ sở tự nguyện và đã thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang vào ngày 26/6/2007, nên hôn nhân giữa anh, chị là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh K có ý kiến là thống nhất yêu cầu được ly hôn với chị V, nhưng vì công việc nên không đến Tòa án để ký các thủ tục ly hôn, chị V và anh K đều có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa anh, chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không còn hạnh phúc, anh chị đã tự ly thân từ năm 2015 đến nay, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của chị V được ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị V và anh K xác định vợ chồng có 02 người con chung tên Võ Thành Đ, sinh ngày 21/6/2009 và Võ Như Y, sinh ngày 12/6/2010. Cháu Đ có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với anh K và cháu Như Y có nguyện vọng được sống với chị V. Căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Võ Thành Đ cho anh K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giao cháu Võ Như Y cho chị V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng không ai yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ và người khác nợ vợ chồng: Chị V và anh K đều xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị V có nghĩa vụ nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 39, Điều 147, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị V được ly hôn với anh Võ Út K.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Thành Đ, sinh ngày 21/6/2009 (Theo nguyện vọng của cháu Đ) cho anh K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục và giao cháu Võ Như Y, sinh ngày 12/6/2010 (Theo nguyện vọng cháu Như Y) cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con, anh K và chị V đều không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Anh K và chị V không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản, tuy nhiên anh K và chị V không được lạm dụng quyền thăm nom con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ và người khác nợ vợ chồng: Chị V và anh K xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị V có nghĩa vụ nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0003650 ngày 31 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị V đã nộp xong án phí.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, anh K và chị V vắng mặt tại phiên tòa, thì được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng Đ hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- VKSND huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn (V).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Thị Gấm